

Bản án số: 52/2018/HSST
Ngày: 24/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Vụ

2. Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-HS ngày 07/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thị T**, tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày: 14/7/1987 tại CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Trần Trương T, sinh năm 1959, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; con bà: Liêu Thị L, sinh năm 1959, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; gia đình bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; chồng: Luân Văn Đ, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; có 02 con (Luân Thị Mỹ L, sinh năm 2006; Luân Thị Cẩm L, sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/6/2018; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mã Thị M**, tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày: 4/5/1986 tại CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Mã Văn M, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: HT, HA, Cao Bằng; con bà: Đinh Thị B, sinh năm 1960, hộ khẩu thường trú: HT, HA, Cao Bằng; gia đình bị cáo có 4 anh

chị em, bị cáo là con thứ 2; chồng: Lương Xuân T, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; có 02 con (Lương Tuyết B, sinh năm 2007; Lương Tuấn K, sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/6/2018; có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Hoàng Thị L**; tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày: 13/01/1990 tại CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú: xóm NC, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; con bà: Lương Thị L, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú: xóm NC, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con cả; chồng: Trần Trương T, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; có 01 con (Trần Hồng Đ, sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/6/2018; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nông Văn T**, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 10/11/1965 tại CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 3/10; con ông: Nông Ích H (đã chết); con bà: Nông Thị N (đã chết); gia đình bị cáo có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; vợ: Thẩm Thị H, sinh năm 1968, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; có 02 con (Nông Thị Y, sinh năm 1992; Nông Tiến T, sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 13/6/2018; có mặt tại phiên tòa.

5. Bị hại: Công ty TNHH TH CB

Địa chỉ: xóm BG, xã NL, huyện HA, tỉnh Cao Bằng;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Huy H – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị T – Chức vụ: Kế toán trưởng. (Văn bản ủy quyền số 04/2018/TH ngày 23/7/2018); có mặt tại phiên tòa.

6. Người có quyền lợi liên quan:

- Trần Trương V

Hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

- Lã Văn D

Hộ khẩu thường trú: xã PĐ, huyện TN, tỉnh Nam Định;

Tạm trú: tổ N, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

7. Người làm chứng: Nguyễn Thị H

Hộ khẩu thường trú: thôn LM, xã PU, huyện AT, tỉnh Hưng Yên;

Tạm trú: tổ HH, đường B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4/2018, Trần Thị T (sinh năm 1987), Mã Thị M (sinh năm 1986) và Hoàng Thị L (sinh năm 1990) cùng trú tại xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng thấy khu tập thể tại mỏ quặng BM thuộc Công ty TNHH TH CB không có ai trông coi quản lý nên cùng nhau tới dọn dẹp và nuôi gà tại khu nhà này. Trong lúc dọn dẹp thì phát hiện trong khu nhà tập thể có nhiều chi tiết máy móc cũ và sắt phế liệu.

Ngày 03/5/2018 khi đang quét dọn các đối tượng cùng nhau thống nhất lấy trộm số chi tiết máy móc, sắt vụn trên đi bán lấy tiền chia nhau. Khi các đối tượng này đang mang máy móc, sắt vụn ra sân khu tập thể dồn đống thì có Nông Văn T (sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) đi qua. Các đối tượng này đã gọi Nông Văn T vào cùng khiêng số máy móc, sắt vụn ra ngoài và thống nhất sẽ chia tiền sau khi bán. Tới trưa ngày 03/5/2018, Trần Thị T đi mua nước ở khu vực chợ CT thì thấy Nguyễn Thị H (sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: xã PU, huyện AT, tỉnh Hưng Yên) đi thu mua phế liệu, Trần Thị T hỏi H có mua sắt vụn không, H nói mua và đi theo T tới khu tập thể mỏ quặng BQ. Tại đây hai bên đã thỏa thuận giá bán và tiến hành cân trọng lượng số chi tiết máy móc, sắt vụn. Sau khi cân xong do không có xe ô tô để chở sắt về luôn nên H đã hẹn chiều tối sẽ quay lại lấy. Khoảng 19 giờ ngày 03/5/2018, Nguyễn Thị H thuê xe ô tô mang biển kiểm soát 29C - 944.T0 do Lã Văn D (sinh năm 1984, tạm trú: tổ N, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) điều khiển đến khu nhà tập thể mỏ quặng BQ để chở số chi tiết máy móc, sắt vụn về thành phố CB. Khi đang bốc lên xe thì bị Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang. Các đối tượng và tang vật được đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng làm việc.

Tang vật thu giữ:

- 04 (bốn) con lăn bằng tải (rulo) bằng kim loại đã qua sử dụng, tổng trọng lượng 237kg;
- 01 (một) khớp truyền động có trọng lượng 115kg;
- 04 (bốn) lò xo giảm chấn dùng cho máy nghiền quặng, trọng lượng 53kg;
- 01 (một) hộp giảm tốc máy nghiền quặng có trọng lượng 150kg;
- 01 (một) tấm chắn bằng kim loại, 01 thang kim loại có tổng trọng lượng 62kg;
- 01 (một) nắp đáy mô tơ có trọng lượng 25kg;

- 01 (một) bao tải màu trắng đựng ốc vít, các chi tiết kim loại nhỏ có trọng lượng 58kg;
- 01 (một) thùng phuy kim loại có trọng lượng 17kg;
- 01 (một) tấm kim loại, 09 (chín) thanh kim loại, 01 (một) nắp đáy mô tơ ba pha có trọng lượng 32kg;
- 01 (một) cây kim loại dài 6,1m có trọng lượng 100kg;
- 01 ô tô biển kiểm soát 29C - 944.T0 và các giấy tờ liên quan;
- 01 cân kim loại dạng móc treo loại 150kg.

Cơ quan điều tra đã lập biên bản xác định giá trị sử dụng của tang vật trong vụ trộm cắp tài sản, chia tang vật thành hai loại: Một loại là còn giá trị sử dụng, một loại là đồ phế liệu (sắt vụn).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-TCKH ngày 06/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: giá trị của tài sản trong vụ trộm cắp tài sản là 13.958.000 đồng (*mười ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Ngày 27/7/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại các tài sản trên cho Công ty TNHH TH CB vào ngày 30/7/2018 theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu.

Đối với chiếc ô tô mang biển kiểm soát 29C – 944.T0 của Lã Văn D, người được Nguyễn Thị H thuê chở. Qua xác minh không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả chiếc ô tô trên và một số giấy tờ có liên quan cho Lã Văn D theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài sản ngày 10/5/2018.

Đối với chiếc cân kim loại dạng móc treo (loại 150kg, đã qua sử dụng) dùng để cân số sắt các bị cáo đã lấy trộm, qua điều tra xác định là của Trần Trương V (em họ bị cáo Hoàng Thị L). Bị cáo Hoàng Thị L mượn chiếc cân này về cân ngô để nuôi gà và Trần Trương V không biết Hoàng Thị L mượn cân để cân tài sản trộm cắp. Trần Trương V có đơn trình bày xin lại chiếc cân về sử dụng, việc trả lại chiếc cân không ảnh hưởng đến công tác điều tra, xử lý vụ án nên cơ quan điều tra đã trả chiếc cân cho Trần Trương V theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài sản ngày 05/7/2018.

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT-VKSTP ngày 28/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L và Nông Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L và Nông Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo nhất trí với kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự về giá trị số tài sản các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp.

Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị hại xác nhận Công ty TNHH TH CB đã nhận lại toàn bộ tài sản các bị cáo lấy

trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai tại cơ quan điều tra của người có quyền lợi liên quan Trần Trương V, Lã Văn D; người làm chứng Nguyễn Thị H hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Mặc dù những người này vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi liên quan Trần Trương V, Lã Văn D đều xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 (bị hại xin giảm nhẹ đến mức thấp nhất hình phạt cho các bị cáo); Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L và Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Thị T mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 36 tháng; bị cáo Mã Thị M mức án từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng; bị cáo Hoàng Thị L mức án từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng; bị cáo Nông Văn T mức án từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Tại phần tranh luận, các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân là sai, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều khoản xét xử: tại cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng; bản kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 03/5/2018, Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L và Nông Văn T cùng trú tại xóm NT, xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của Công ty TNHH TH CB tại khu tập thể mở quảng BQ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chi tiết máy móc cũ và sắt phế liệu với tổng giá trị tài sản là 13.958.000 đồng (*mười ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá vai trò đồng phạm: trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận định đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Các bị cáo tuy cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công rõ nhiệm vụ, vai trò của từng người, ai là người khởi xướng, ai là người thực hiện hành vi. Do đó, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, người được ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ đến mức thấp nhất trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: căn cứ vào nhân thân của các bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do vậy không cần phải bắt chấp hành hình phạt

tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe cũng như tạo điều kiện để các bị cáo tiếp tục lao động, giúp đỡ gia đình. Do vậy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và được trả lại cho bị hại; bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: đối với toàn bộ số vật chứng, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L, Nông Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trần Thị T cho chính quyền địa phương nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Mã Thị M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Mã Thị M cho chính quyền địa phương nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hoàng Thị L cho chính quyền địa phương nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nông Văn T

cho chính quyền địa phương nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã CT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Trần Thị T, Mã Thị M, Hoàng Thị L, Nông Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quỳnh Mai